

I - DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ TTHC
1	Thủ tục hỗ trợ chi phí	2.002603

Thủ tục hỗ trợ chi phí

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp nộp 08 bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) (sau đây gọi tắt là Cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc thông qua hệ thống bưu chính trước ngày 10 tháng 7 trong năm liên tiếp theo của năm tài chính đề nghị hỗ trợ.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp kèm chi tiết lý do yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối. Trong thời hạn 10 ngày, doanh nghiệp có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

Bước 3: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị cùng cấp về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024. Trường hợp cần thiết, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến của các đơn vị ở cấp khác có liên quan.

Bước 4: Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Bước 5: Trong trường hợp cơ quan được lấy ý kiến có yêu cầu doanh nghiệp giải trình nội dung trong hồ sơ đề nghị, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các yêu cầu giải trình và gửi cho doanh nghiệp trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình, bổ sung tài liệu có liên quan và sửa đổi đề nghị hỗ trợ chi phí (nếu có).

Bước 6: Trên cơ sở nhận được toàn bộ các hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của các doanh nghiệp, phản hồi của các cơ quan được lấy ý kiến và văn bản giải trình của doanh nghiệp (nếu có), Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo đánh giá

đề nghị hỗ trợ chi phí của các doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

Bước 7: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp các đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp, báo cáo Cơ quan điều hành Quỹ chậm nhất ngày 20 tháng 9 hàng năm.

Bước 8: Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp và lập báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp do Cơ quan điều hành tiếp nhận và đề nghị hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, trình Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Bước 9: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Cơ quan điều hành Quỹ trình hồ sơ, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức đánh giá và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định về tổng mức hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo nguyên tắc quy định tại Điều 27 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

Bước 10: Quy trình chi hỗ trợ chi phí thực hiện như sau:

- Căn cứ văn bản phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí của Chính phủ, Cơ quan điều hành Quỹ gửi thông báo về hạn mức hỗ trợ cho các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đề xuất hỗ trợ chi phí và đồng gửi thông báo về hạn mức hỗ trợ tới Kho bạc Nhà nước.

- Trên cơ sở thông báo hạn mức hỗ trợ được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và ban hành văn bản quyết định hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đạt điều kiện, đồng thời gửi văn bản quyết định hỗ trợ đầu tư cho Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

- Căn cứ hạn mức hỗ trợ cho từng địa phương văn bản quyết định hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp, Quỹ Hỗ trợ đầu tư lập hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện thanh toán hỗ trợ theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước thanh toán tiền hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao).

- Qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí.

- Bản sao hợp lệ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản trước ngày Luật Công nghệ cao có hiệu lực về việc ghi nhận thông tin doanh nghiệp công nghệ cao. Đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao thì không cần nộp các giấy tờ này.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư trong giai đoạn đề nghị hỗ trợ chi phí.

- Bản sao Báo cáo tài chính của năm đề nghị hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập thuộc danh mục Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố năm liền trước năm lập báo cáo tài chính. Báo cáo chi phí được hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập kèm bảng kê khai các chi phí đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024. Chi phí đề nghị hỗ trợ phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp và được lưu trữ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Bản sao hợp lệ kết quả kiểm tra định kỳ kết quả hoạt động của các tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ nếu doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ chi phí quy định tại điểm d khoản 3 Điều 30 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, doanh nghiệp chưa có kết quả kiểm tra định kỳ thì muộn nhất ngày 15 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí, doanh nghiệp bổ sung tài liệu cho Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Đối với trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản trước ngày Luật Công nghệ cao có hiệu lực về việc ghi nhận thông tin doanh nghiệp công nghệ cao thì không phải nộp giấy tờ này.

- Danh sách lao động do doanh nghiệp đang sử dụng kèm theo bản gốc hoặc bản sao văn bản xác nhận của cơ quan bảo hiểm về việc tham gia bảo hiểm cho người lao động.

- Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp.

- Văn bản cam kết về việc hưởng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, từ bỏ quyền khiếu kiện quốc tế (nếu có) liên quan đến hoạt động hỗ trợ chi phí theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

- Tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật (nếu có).

3.2. Số lượng hồ sơ: 08 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc).

4. Thời hạn giải quyết:

- Trước ngày 10 tháng 7 trong năm liền tiếp theo của năm tài chính đề nghị hỗ trợ, doanh nghiệp nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp kèm chi tiết lý do yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc có nội dung cần làm rõ.

- Trong thời hạn 10 ngày, doanh nghiệp có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị cùng cấp hoặc các đơn vị ở cấp khác có liên quan (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp các yêu cầu giải trình và gửi cho doanh nghiệp trong trường hợp cơ quan được lấy ý kiến có yêu cầu doanh nghiệp giải trình nội dung trong hồ sơ đề nghị.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình, bổ sung tài liệu có liên quan và sửa đổi đề nghị hỗ trợ chi phí (nếu có).

- Chậm nhất ngày 20 tháng 9 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp các đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp, báo cáo Cơ quan điều hành Quỹ.

- Chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp và lập báo cáo đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp do Cơ quan điều hành Quỹ tiếp nhận và đề nghị hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, trình Hội đồng quản lý Quỹ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Cơ quan điều hành Quỹ trình hồ sơ, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức đánh giá và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định về tổng mức hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam đáp ứng tiêu chí và điều kiện tại Điều 18 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao);

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản quyết định hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đạt điều kiện theo Mẫu số 05/HTĐT kèm theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí theo Mẫu số 01/HTĐT kèm theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ;

- Văn bản cam kết theo Mẫu số 03/HTĐT kèm theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ chi phí quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp công nghệ cao có dự án đầu tư với quy mô vốn tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 20.000 tỷ đồng/năm;

b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao có quy mô vốn của dự án tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 20.000 tỷ đồng/năm;

c) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đầu tư

trong lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô vốn của dự án tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm;

d) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao mà công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đột phá được ưu tiên nghiên cứu, phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành thì không phải đáp ứng tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024;

đ) Doanh nghiệp có dự án thiết kế vi mạch thì không phải đáp ứng tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng phải có cam kết sử dụng tối thiểu 300 kỹ sư, cán bộ quản lý người Việt Nam sau thời gian 5 năm hoạt động tại Việt Nam và hằng năm hỗ trợ Việt Nam đào tạo được tối thiểu 30 kỹ sư chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế vi mạch.

(ii) Doanh nghiệp thuộc diện được hỗ trợ theo điều kiện về quy mô vốn đầu tư quy định tại các điểm a, b và c khoản (i) phải đáp ứng hoặc cam kết đáp ứng điều kiện giải ngân vốn đầu tư như sau:

a) Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư từ ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư.

Trường hợp đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo thì hoàn thành giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 4.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp lần đầu Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Đối với dự án đầu tư đã đăng ký vốn đầu tư chưa đạt mức tối thiểu 12.000 tỷ đồng trước ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành và điều chỉnh tăng vốn đầu tư từ ngày Nghị định ngày có hiệu lực để đạt mức tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc 6.000 tỷ đồng đối với lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo:

Trường hợp mức điều chỉnh tăng vốn dưới 10.000 tỷ đồng thì tổng vốn đầu tư của cả dự án phải giải ngân đạt tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Trường hợp mức điều chỉnh tăng vốn từ 10.000 tỷ đồng trở lên thì tổng vốn đầu tư của cả dự án phải giải ngân đạt tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, trường hợp mức điều chỉnh tăng vốn dưới 4.000 tỷ đồng thì tổng vốn đầu tư của cả dự án phải giải ngân đạt tối thiểu 4.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trường hợp mức điều chỉnh tăng vốn từ 4.000 tỷ đồng trở lên thì tổng vốn đầu tư của cả dự án phải giải ngân đạt tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

c) Đối với các dự án đầu tư đã đăng ký vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc 6.000 tỷ đồng đối với lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư,

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương được cấp lần đầu hoặc điều chỉnh trước ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành giải ngân thì thời hạn hoàn thành giải ngân thực hiện theo các văn bản đã được cấp hoặc hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc 6.000 tỷ đồng đối với lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trong vòng 05 năm từ ngày được cấp lần đầu hoặc điều chỉnh vốn đầu tư trong các văn bản nêu trên tại lần điều chỉnh gần nhất trước ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành;

d) Đối với dự án đầu tư đã đăng ký vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc 6.000 tỷ đồng đối với lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương được cấp lần đầu hoặc điều chỉnh trước ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành mà đã hoàn thành giải ngân trước ngày Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực thi hành thì được hỗ trợ các chi phí quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Doanh nghiệp thuộc diện được hỗ trợ theo điều kiện về doanh thu quy định tại các điểm a, b và c khoản (i) Điều này phải đáp ứng điều kiện doanh thu của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh thu của dự án ứng dụng công nghệ cao, của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại năm tài chính đề nghị hỗ trợ.

Doanh thu của dự án được nhận hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải được hạch toán riêng.

(iv) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ.

(v) Việc xác định doanh nghiệp công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao và quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(vi) Dự án Trung tâm nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trung tâm nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động đối với tổ chức khoa học và công nghệ theo pháp luật về khoa học và công nghệ;

b) Có lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ gồm các hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm tạo ra công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 3.000 tỷ đồng và phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Mẫu số 01/HTĐT

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số hiệu văn bản)

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ

(Hỗ trợ theo mục 1 Chương III Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

I. Thông tin về đối tượng đề nghị hỗ trợ chi phí

1. Tên doanh nghiệp:...
2. Mã số doanh nghiệp:...
3. Thông tin dự án đầu tư[1]: Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số ... do ... *(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày: ..., lần điều chỉnh gần nhất trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực ngày:../lần điều chỉnh gần nhất *(nếu có)* ngày:...
4. Địa chỉ trụ sở chính:...
5. Địa điểm thực hiện dự án¹:...
6. Điện thoại: ... Fax: ... Email:... Website: ...
7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:...
8. Tên và số tài khoản ngân hàng:...

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ chi phí

1. Năm tài chính đề nghị hỗ trợ chi phí:
2. Đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí: *(Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp)*

Doanh nghiệp công nghệ cao ☐Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao ☐Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao ☐Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển ☐

3. Hạng mục hỗ trợ chi phí:

STT	Hạng mục hỗ trợ chi phí	Số tiền đề nghị hỗ trợ chi phí
1	Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực	

2	Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển	
3	Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định	
4	Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao	
5	Hỗ trợ chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội	
Tổng		

III. Giải trình các nội dung thẩm định

1. Giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí và điều kiện của đối tượng được hưởng hỗ trợ: (Doanh nghiệp giải trình sự phù hợp về đối tượng trong lĩnh vực công nghệ cao, đầu tư trung tâm nghiên cứu phát triển, thỏa mãn các điều kiện về quy mô vốn đầu tư, tiến độ giải ngân, thực trạng tuân thủ các quy định liên quan, ...quy định tại Điều 18 của Nghị định này).

2. Giải trình về sự phù hợp với các nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ: (Doanh nghiệp giải trình sự phù hợp của đề nghị hỗ trợ cụ thể của doanh nghiệp với các nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 3 của Nghị định này).

3. Giải trình về việc đáp ứng các điều kiện để xác định mức hỗ trợ chi phí: (Doanh nghiệp giải trình sự phù hợp của đề nghị hỗ trợ với mức hỗ trợ và cách tính hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 của Nghị định này và các căn cứ để xác định mức hỗ trợ gồm chi phí đủ điều kiện, tỷ lệ, số tiền hỗ trợ...).

4. Giải trình về sự phù hợp của đề xuất hỗ trợ chi phí với các hạng mục hỗ trợ chi phí quy định tại Nghị định này: (Doanh nghiệp giải trình sự phù hợp của đề nghị hỗ trợ với phạm vi chi phí được hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 của Nghị định này).

5. Giải trình về tình hình thực hiện cam kết giải ngân vốn đầu tư của dự án: (Doanh nghiệp giải trình về tình hình thực hiện cam kết giải ngân vốn đầu tư phù hợp với quy định tại Điều 18 của Nghị định này).

6. Giải trình về tình hình sử dụng lao động và tuân thủ quy định về đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp: (Doanh nghiệp giải trình việc tình hình sử dụng lao động và việc thực hiện tuân thủ về lao động, bảo hiểm và nghĩa vụ thuế).

7. Giải trình về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: (Doanh nghiệp giải trình về hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, dự án; hiệu quả lan tỏa của doanh nghiệp, dự án đối với nền kinh tế và cộng đồng).

8. Giải trình về tình hình thực hiện các cam kết khác của doanh nghiệp để được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này: (Doanh nghiệp giải trình về tình hình thực hiện các cam kết khác có liên quan đến đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này như: cam kết sử dụng nhân lực, cam kết đào tạo kỹ sư, cam kết sử dụng tài sản cố định tăng thêm,)

IV. Doanh nghiệp cam kết

Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

V. Hồ sơ kèm theo

1. Các tài liệu quy định tại Điều 28 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.
2. Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có))

-
1. Doanh nghiệp kê khai thông tin và bản sao tương ứng với các trường hợp được quy định tại Điều 18 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.

[1] Dự án đầu tư đề nghị được hưởng hỗ trợ chi phí.

Mẫu số 03/HTĐT

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số hiệu văn bản)

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN CAM KẾT

(Cam kết theo mục 1 chương III Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)

I. Thông tin về đối tượng đề nghị hỗ trợ chi phí

1. Tên doanh nghiệp:...
2. Mã số doanh nghiệp:...
3. Địa chỉ trụ sở chính: ...
4. Điện thoại: ... Fax: ... Email: ... Website: ...
5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:...
6. Thông tin dự án đầu tư¹: Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số ... do ... *(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày: ..., lần điều chỉnh gần nhất trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực ngày:../lần điều chỉnh gần nhất *(nếu có)* ngày: ...

II. Nội dung cam kết

Doanh nghiệp cam kết:

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Thực hiện đúng các cam kết sau khi nhận hỗ trợ trong quá trình triển khai dự án.
3. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan/tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định.
4. Phối hợp, hợp tác với các cơ quan có chức năng thực hiện kiểm tra việc tuân thủ được quy định tại Điều 42 của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.
5. Hoàn trả khoản hỗ trợ chi phí và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.
6. Từ bỏ quyền khiếu kiện quốc tế đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến số tiền được hỗ trợ chi phí theo Nghị định này. Việc giải quyết tranh chấp (nếu có) sẽ được thực hiện theo pháp luật Việt Nam.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 05/HTĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ chi phí*(Áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư)***ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....***Căn cứ Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư;**Căn cứ Thông báo hạn mức hỗ trợ được phê duyệt số... ngày ... của cơ quan điều hành Quỹ....**Xét Văn bản đề nghị số... ngày... của <tên doanh nghiệp>***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấp thuận việc hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 với các nội dung sau:

- Tên doanh nghiệp được hỗ trợ:...
- Hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp phát sinh trong năm tài chính: ...
- Hạn mức hỗ trợ chi phí:...
- Tổng số tiền hỗ trợ chi phí: Đồng (Bằng chữ:...)
- Phương thức chi trả hỗ trợ:...

Điều 2. Kho bạc Nhà nước, Quỹ Hỗ trợ đầu tư, <tên doanh nghiệp>, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** <tên doanh nghiệp> có trách nhiệm thực hiện các cam kết và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều... <điều kiện tương ứng với đối tượng và loại chi phí được hỗ trợ> Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Kho bạc nhà nước;
- Quỹ Hỗ trợ đầu tư;
- <tên doanh nghiệp>;
- Lưu: VT,...
- < Tên các cơ quan có thẩm quyền nhận được văn bản>